TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2026/DS-ST
Ngày: 26-3-2026
Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Kim Loan

2. Ông Tạ Công Minh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã L, tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- *Bị đơn:* 1/Ông Phan Thạch Đ, sinh năm 1982 (cómặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Anh Đ1, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/9/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà là chủ Đ2, gia cầm Nguyễn Thị Kim T. Từ ngày 13/3/2024 đến ngày 29/7/2024, bà có bán thức ăn chăn nuôi vịt cho vợ chồng ông Phan Thạch Đ, bà Nguyễn Thị Anh Đ1. Việc mua bán thức ăn được theo dõi bằng sổ. Ngày 17/3/2025, bà và vợ chồng ông Đ, bà Đ1 có tổng kết nợ thì còn nợ tiền thức ăn là 52.713.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng, thoả thuận sẽ trả dần 10.000.000 đồng/tháng. Sau khi chốt nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà Đ1 cứ hứa hẹn mà không thực hiện trả.

Bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà Đ1 có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mua thức ăn là 52.713.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng, yêu cầu trả nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2026, bị đơn ông Phan Thạch Đ trình bày:

Ông có mua thức ăn chăn nuôi vịt của bà Nguyễn Thị Kim T và hứa khi nào bán vịt sẽ trả tiền. Trong thời gian nuôi đã xảy ra sự cố vịt chết nhiều nên khi bán vịt không đủ trả tiền thức ăn cho bà T. Ông xin trả dần cho bà T 3.000.000 đồng/tháng. Thời gian sau đó, vợ ông bị tai nạn giao thông, không đi làm được và không có tiền trả cho bà T. Ông có năn nỉ và xin trả cho bà T 1.000.000 đồng/tháng nhưng bà T không đồng ý. Qua yêu cầu khởi kiện của bà T, ông yêu cầu Tòa xem xét cho trả dần vì hiện nay hoàn cảnh gia đình và kinh tế khó khăn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ1 không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, , căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng mua tài sản theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự; bị đơn ông Phan Thạch Đ, bà Nguyễn Thị Anh Đ1 cư trú tại xã L, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Anh Đ1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Đ1.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Từ ngày 13/3/2024 đến ngày 29/7/2024, bà Nguyễn Thị Kim T có bán thức ăn chăn nuôi vịt cho vợ chồng ông Phan Thạch Đ, bà Nguyễn Thị Anh Đ1. Việc mua bán thức ăn được theo dõi bằng sổ. Ngày 17/3/2025, bà T và vợ chồng ông Đ, bà Đ1 có tổng kết nợ thì ông Đ, bà Đ1 còn nợ tiền thức ăn của bà T là 52.713.000 (năm mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn) đồng. Sau đó, bà T nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông Đ, bà Đ1 cứ hứa hẹn mà không thực hiện trả.

Ông Đ thì cho rằng vợ ông bị tai nạn giao thông không đi làm được, gia đình ông có mẹ già, 02 con bị bệnh, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có tiền trả và xin trả dần.

[4]. Xét thời gian mua thức ăn đã lâu và sau khi tổng kết nợ ông Đ, bà Đ1 có xin trả dần, nhưng đến nay thời gian đã lâu mà không trả được khoản tiền nào đã gây thiệt hại cho quyền lợi của bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông Đ, bà Đ1 liên đới trả cho bà T số tiền 52.713.000 đồng.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận, nên ông Đ, bà Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 430, 440, Điều 357 của Bộ luật Dân sự, Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

1. Buộc ông Phan Thạch Đ và bà Nguyễn Thị Anh Đ1 liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim T số tiền 52.713.000 (*năm mươi hai triệu bảy trăm mười ba nghìn)* đồng.

2. Về án phí:

- Ông Phan Thạch Đ và bà Nguyễn Thị Anh Đ1 phải liên đới chịu 2.636.500 (*hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho bà Nguyễn Thị Kim T tạm ứng án phí đã nộp là 1.318.000 đồng *(một triệu ba trăm mười tám nghìn)* đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001574 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Bà T, ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Đ1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự:
+ NĐ: (01);
+ BĐ: (02);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Mai Thanh Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA